

Số: 52/2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của nước sạch đô thị; dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng; dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5479/TTr-SXD ngày 03 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của nước sạch đô thị; dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng; dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của nước sạch đô thị; dịch vụ nghĩa trang, hỏa táng; dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang, gồm:

- Nước sạch đô thị.
- Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sản xuất, cung cấp, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các hàng hóa, dịch vụ

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nước sạch đô thị

STT	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm cơ bản
1	Nước sạch đô thị	- Nước sạch là loại hàng hóa đặc biệt, là nhu yếu phẩm thiết yếu phục vụ trực tiếp đời sống hằng ngày của con người, có vai trò quan trọng đối với bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đảm bảo cung cấp liên tục, đủ lưu lượng và duy trì áp lực cần thiết nhằm phục vụ an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội. - Nước sạch là nước đã qua xử lý, bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, đáp ứng yêu cầu sử dụng theo từng mục đích, gồm: + Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh của con người) phải bảo đảm theo các quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Y tế ban hành quy chuẩn nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. + Chất lượng nước sạch sử dụng chung cho mục đích sinh hoạt và các mục đích sử dụng khác phải bảo đảm theo quy chuẩn kỹ thuật của nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. + Chất lượng nước sạch sử dụng cho các mục đích không phải sinh hoạt được thỏa thuận giữa đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

STT	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm cơ bản
1	Dịch vụ nghĩa trang	- Là dịch vụ đặc thù gắn với nhu cầu mai táng, tâm linh và quản lý nghĩa trang. - Giá dịch vụ chịu sự quản lý của Nhà nước đối với nghĩa trang được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

		+ Tổ chức tang lễ, mai táng; + Xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; + Bảo quản, lưu tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm.
2	Dịch vụ hỏa táng	- Là dịch vụ công phục vụ nhu cầu mai táng, phù hợp phong tục, tín ngưỡng và xu hướng văn minh đô thị. - Tổ chức tang lễ (tại nơi thực hiện hỏa táng) và hỏa táng thi hài hoặc hài cốt. - Bảo quản, lưu giữ tro cốt. - Góp phần tiết kiệm quỹ đất nghĩa trang, giảm ô nhiễm môi trường và phù hợp định hướng phát triển đô thị bền vững.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)

STT	Tên gọi chi tiết	Đặc điểm cơ bản
1	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật. - Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa, các kênh mương thoát nước chính, hồ điều hòa và các trạm bơm chống úng ngập, cửa điều tiết, các van ngăn triều (nếu có) đến các điểm xả ra môi trường. Các tuyến cống, mương, hố ga phải được nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế; Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nắp hố ga, cửa thu, cửa xả nước mưa; Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới để đề xuất phương án thay thế, sửa chữa. - Quản lý hệ thống hồ điều hòa trong hệ thống thoát nước nhằm lưu trữ nước mưa, đồng thời tạo cảnh quan môi trường sinh thái kết hợp làm nơi vui chơi giải trí, nuôi trồng thủy sản, du lịch; Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hòa, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ điều hòa nước mưa; Định kỳ nạo vét đáy

		hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ. - Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm, tuyến cống áp lực, công trình đầu mối, điểm đầu nối, tuyến cống thu gom, chuyển tải đến nhà máy xử lý nước thải, các điểm xả,...phải tuân thủ các quy trình quản lý, vận hành đã được phê duyệt.
--	--	--

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương và đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, P.KT, TT.CBTH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tnvnam "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thúc